

Sống Đời Tự Do

Nguyễn Đình Hạnh, K19

(tiếp theo)

Sáng 4/6/76 từ Linh Quỳnh hướng về Hà Tiên, ghe chạy tới khoảng nửa giờ thì gặp một cây cầu gỗ bắc ngang kinh Hà Tiên. Một tên bộ đội đứng gác trên cầu nhìn xuống, thấy trong ghe chúng tôi trông trái nên không nghi ngờ để chúng tôi đi qua. Trường hợp chúng xuống xét ghe, nếu một tên xuống xét, thì tôi gõ mũi một tiếng, hai tên xuống sẽ gõ hai tiếng để anh em ở trong ghe chuẩn bị sẵn sàng thật êm. Thực ra tất cả người trong ghe đã ản núp kín hết, trẻ con thì đã uống sữa với thuốc ngủ nên không lộ gì cả. Chui không xa khỏi gầm cầu mười thước là gặp Kinh Me đâm thẳng tấp ra biển.

Chúng tôi tấp vô nhà một bà ngay ngã ba kinh. Thím Hai nhẩy lên bờ làm quen, (gọi là Dì Ba) rồi mua hai chậu cua biển, thấy muối mòng nhiều nên tặng cho chủ nhà một cái mùng, nải chuối. Thím cũng đặt cọc trước 50 ngàn tiền việt cộng, nói là để mua các loại khô khi từ Khu Kinh Tế Mới Long Châu Hậu (Hà Tiên) trở về. Bà này thấy thân thiện nên đáp lễ cho đưa con gái chừng tám hay chín tuổi, hướng dẫn ghe chúng tôi ra tận cửa biển để bắt con ốc tài xiù. Khi ra đến cửa biển nước ròng chạm đáy ghe nên không sao đi được nữa.

Vì quân cộng sản còn sợ quân đội Mỹ và VNCH tấn công

trở lại, nên chúng đặt một trung đoàn việt cộng phòng thủ bờ biển, với nhiều chiếc speed boats nên không tiện ra khơi. Bọn chúng thấy con bé quen ngồi trên mũi ghe, nên không tên nào hỏi. Còn chúng tôi đành ngồi chờ nước thủy triều lên. Đường (anh họ Thím Hai) đành ngồi giữa chân vịt máy cho bển để khi mở máy nó đập nước cho bển.

Đến chiều, nước bắt đầu lên, chúng tôi chưa biết làm sao để trả con bé về lại nhà thì ngoài biển có hai xuồng câu nhỏ chèo vô, trên một thuyền có người là anh của cô bé nên người này kêu nó xuống ghe trở về. Thế là chúng tôi thở phào nhẹ nhõm vì không phải đuổi cô bé lên bờ về.

Độ hơn sáu giờ, muỗi mòng bắt đầu bay ra như từng đám mây trên bờ, mọi người đều rút vô nhà, chỉ còn vài tên bộ đội vc đứng lại gác bờ biển mà thôi. Ghe chúng tôi bắt đầu hơi nổi khối lòng rạch. Hai thì định đứng tám giờ tối mới ra khơi, nhưng tôi quyết định đi càng sớm càng tốt, lý do ghe chạy chậm mà để con nước lớn hơn thì tàu tuần vc sẽ dễ dàng rượt theo. Vì vậy, tôi cho nổ máy xăng trước và quay mũi ghe ra hướng biển, chân vịt chạm đáy rạch, nhưng may mắn vẫn đủ sức đẩy ghe lướt được ra biển.

Máy Yanmar giật lần đầu không nổ, phải giật lần thứ hai mới nổ, vừa hạ chân vịt xuống nước, chiếc ghe định mệnh giờ tăng sức mạnh, nó đẩy ghe rẽ nước trắng xóa, lòng lên hồng cả mũi ghe, Hai hét hải kêu những ai còn tỉnh phải dòn về mũi ghe kéo nó cản gió.

Mấy tên bộ đội gác trên bờ phản ứng chậm, khi ghe xa bờ vài trăm thước mới gõ keng báo động. Bọn chúng trong trại chạy ủa ra chỉ thấy ghe chúng tôi khi ẩn khi hiện lơ mờ xa mà thôi. Anh em tôi phần nhá nhem tối trong ghe, phần không quen bịt mắt tháo ráp súng, lọng cọng, nên leo lên mũi hỏi tôi làm sao? Tôi vì lo nhắm phương giác lộ trình tôi đã vạch, nên tôi nói cứ từ từ không có gì quan trọng. Cuối cùng nó cũng ráp xong và nạp đạn tất cả.

Nhiệm vụ tôi thì lái ghe, Hai và Đường thì lo cho máy chạy điều hòa, Hòa và cháu Tâm thì lo xăng dầu và trừ bị. Bình và An ứng chiến. Thím Hai thì lo hỏa thực, và để khỏi vương bận người lớn, sau khi cho các cháu ăn uống xong thì cho ngủ... ngủ.



Ghe của Trinh Sát 9 với đầy đủ vũ khí. Sau lưng là đảo Sameasan, Thái Lan.

Đàn bà ai say sóng thì uống thuốc ngủ li bì. Vợ tôi, Thúy thì có bầu gần ngày sanh nên còn tỉnh, nằm chịu trận ở phòng nhỏ cuối ghe.

Đến 10 giờ đêm, Thím Hai và Bình có nhiệm vụ dùng ống nhòm quan sát phía trước để tránh những bãi san hô ngầm, cồn cát hay có tàu địch để chúng tôi chuẩn bị. Dự trù, nếu gặp tàu địch tấp vô khám xét, chúng tôi sẽ bắt thần tấn công và cướp tàu địch luôn, trong khi đó Bình, An sẽ tiếp tục lái ghe chạy. Hai và Đường sẽ lặn qua bên kia tàu địch, tung mỏ neo đã bọc vải cho khỏi gây tiếng động, móc và leo lên tấn công cạnh bên kia, còn tôi ngồi cao trên mũi, với giỏ lựu đạn hơn 40 trái cột bên cạnh, và súng ngắn tung vô tàu địch, rồi nhảy qua tấn công, cướp đại liên địch, không chế bộ đội trong tàu, và chạy theo ghe gia đình luôn.

Tính thì như vậy, nhưng khi thấy tàu địch tắt đèn tối om quá

lớn, chạy tuần tiễu theo hướng Đông (90 độ) trước mặt cách ghe chúng tôi vài trăm thước, tôi thấy không thể thực hiện ý định tấn công được, nên vội quay đầu về hướng Rạch Giá. Nhờ trời tối đen, tàu địch không nhận thấy, nên chạy chừng hơn một giờ, tàu địch đã qua khỏi xa rồi, ghe chúng tôi lấy lại phương giác và đi tiếp hướng Malaysia. Lịch trình bị trễ mất mấy tiếng.

Đến hai giờ sáng ngày 5 tháng 6, Thím Hai lại báo tin có một tàu tuần khác cũng của địch vẫn theo hướng Đông và không đèn. Lúc này ghe đã khá xa bờ, chúng tôi quyết định đi tiếp lộ trình để kịp ra khỏi hải phận trước khi trời sáng, bắt cháp tàu địch lù lù phía trước không xa. Sóng từ tàu địch làm ghe chúng tôi chao đảo như chiếc lá tre nhấp nhô giữa sóng biển. Ai nấy thở phào khi thấy chúng xa dần trong đêm tối.

Năm giờ sáng ngày 5 tháng 6/1976 thì trời đã sáng rõ, xa xa bên phải vài trăm thước là thị trấn Dương Đông, đảo Phú Quốc. Tàu đánh cá đậu trong bến treo cờ việt cộng đỏ lôm. Trước mặt tôi, lác đác vài chiếc tàu cá ra khơi sớm, nhưng chúng tôi không lo chúng, nên tiếp tục theo hướng Nam 180 độ để xuôi xuống đuôi đảo. Đến tám giờ sáng, dù đó đây vẫn còn gặp tàu đánh cá mang cờ việt cộng, nhưng tôi đổi theo phương giác 270 độ (Tây), nhắm giữa Mã Lai và Thái Lan. Phú Quốc mờ dần.

Bây giờ chỉ còn trên trời, dưới nước, và chắc chắn là tự do. Hai mang hình tên hcm treo trên vách xuống, viết vài câu nguyện rủa, rồi loay hoay tính kết cái bè nhỏ thả trôi theo gió Nam vô bờ. Thấy vậy, tôi nói:

- “Thầy cho nó cho đi gặp hà bá cho rồi, để nó sống sót lạc vô bờ làm khổ dân chúng.”

Nghe vậy, Hai liệng cả khung hình xuống biển, nước biển trong xanh, thấy hình hắt lạng qua, lạng lại chìm dần xuống đáy biển, mọi người cảm thấy như thanh toán được tên tội đồ dân tộc. Chúng tôi biết rằng từ nay thật sự thoát nạn cộng sản.

Vĩnh biệt Việt Nam với chế độ cộng sản.

Lênh đênh trên biển với máy đuôi tôm là một điều vất vả, ghe trôi sạt theo con sóng, khi ghe trèo trên đầu ngọn sóng thì cả hai cái chơn vịt máy quay tít trên không, rồi khi rút xuống thì chơn vịt đập mạnh xuống nước như muốn gãy ngang, tôi kẹp chặt cái cần lái ngang sườn bị sóng nhồi cũng khá bầm dập. Mắt theo dõi cái đĩa bàn nhỏ, ước tính hướng gió bạt, con nước trôi ngược dòng, và tốc độ ghe di chuyển để điều chỉnh hướng đi ngay lại.

Đến ngày 6/6/76 khoảng 9 giờ tối thì Thúy chuyển bụng. Hai khuyên tấp vào một cái đảo nhỏ gần đó (thuộc chủ quyền Cambodia) để dễ dàng sanh, nhưng tôi quyết định đi. An thì chưa bao giờ đỡ đẻ cả nên lính quỳnh. Vợ chồng Hai phải xuống lo đỡ đẻ, khoảng 10 giờ tối thì Thúy sanh bé gái khoảng 3 kg, không có nước tắm rửa nên chỉ dùng khăn lau khô mà thôi. Đã vậy mấy can dầu trong phòng bị sóng nhồi xô đẩy văng tung tóe. Thúy phải tay che cho con tay đỡ mấy can dầu, thành ra cả hai mẹ con đều bị tắm ướt dầu. Tôi bận ôm bánh lái nên cũng không xuống xem tình trạng hai mẹ con được.

Đến 8 giờ sáng ngày 7 tháng 6 năm 1976 thì ghe thấy một thương thuyền đi về hướng biển Đông Hải. Chúng tôi phát cờ kêu cứu, nhưng chiếc tàu đó đi thẳng. Đến 10 giờ sáng thì ngang qua một đảo nhỏ, có cây nhưng không có dấu hiệu người nên không tấp vào đó, sau này người Thái cho biết hòn đảo này thuộc vùng tranh chấp giữa Thailand và Cambodia

Khoảng 10 sáng thì gặp một tàu đánh cá nhỏ dài khoảng 15 thước của Thái. Ghe này không biết có ý định gì không, vừa thấy ghe tôi là họ chạy thẳng tới, trên ghe có năm thanh niên, khi áp sát ghe tôi thì có hai thanh niên tay cầm dao dài nhảy sang, cột hai ghe lại. Khi thấy tôi mang súng trên ngực hỏi họ muốn gì. Một anh biết tiếng Anh trả lời là sang xem chúng tôi cần giúp gì không. Tôi nói ghe chúng tôi hư máy và cần giúp kéo vào bờ. Anh ta nói ghe anh mới ra khơi nên không

thể kéo được, nói xong một người trở về ghe mang một chậu gạo khoảng 30 lít và ít cá khô khoảng 15 kilos cá và mực khô sang cho.

Hành động khi nhảy sang ghe tôi hung hãn lúc đầu và tứ chôi không giúp đỡ, tôi đã có ý chiếm chiếc ghe này rồi đi thẳng sang Australia. Thím Hai khuyên tôi tha cho họ. Thứ nhất họ chưa có hành động cướp chúng tôi, thứ hai lại mang thực phẩm sang cho nên để họ mở giây cột hai ghe và đi.

Biển động cấp ba, mỗi khi cưỡi sóng thì cả hai chân vịt đều ở trên không. Máy Yanmar không có nước giải nhiệt nên phải mở nắp để đổ nước. Ghe nhảy sóng như vậy nên không lâu sau, máy Yanmar bị gãy ống nước bơm lên giải nhiệt. Hai phải tháo mở nắp bình nước của máy, Hòa Bình thay phiên nhau múc nước biển châm vào để làm nguội máy. Việc múc nước từ biển cũng là vấn đề khó khăn vì lỗ hồng trên máy thì nhỏ, sóng mạnh cấp ba, mà ghe không phải để đi biển nên bị nhồi sóng dữ dội.

Có lúc Hòa đã bị sóng hất văng xuống biển phải vòng ghe lại vớt. Rồi tiếp đến những nước biển đổ bị tràn ra ngoài vào không xích và mòn nhanh chóng, thế là xích bị tuột răng nên sức đẩy mất dần. Vô tình máy Kohler phụ bấy giờ phải làm máy đẩy chánh cho ghe, nhưng số xăng dành riêng cho Kohler lại có ít nên đành pha dầu lửa (oil lamp, diesel). Tốc độ ghe bây tụt giảm từ 17 cây số giờ xuống còn 5 cây số giờ. Nếu không bị trục trặc này thì chúng tôi sẽ tới Malaysia sớm như dự định. Đã thế một đàn cá heo bơi theo ghe cả trăm con, và có con lớn như chiếc ghe. Bình sợ quá đòi liệng lựu đạn, nhưng tôi không cho, sợ chúng hoảng hốt quẫy chìm ghe.

Máy Kohler ngày càng yếu dần với gió và con nước ngược, tôi quyết định cho ghe chạy xuôi gió và con nước nhưng xéo vào vịnh Thái Lan. Tôi quyết định quay đầu trở lại dựa theo con nước và sóng gió, nhắm hướng Thái Lan, trường hợp máy Kohler cũng bị hư thì dùng mền làm buồm tạm. Thím Hai lo

sợ.

Ngày 8 tháng 6 năm 1976, khoảng bảy giờ sáng gặp một tàu đánh cá Thái khá lớn. Họ tấp vào cạnh ghe và khi biết máy ghe chúng trong tình trạng hư hỏng nhiều không thể sửa chữa cấp thời được thì họ nói họ sẽ kêu một tàu cá khác ghé giúp, còn họ bắt đầu ra khơi nên không thể kéo chúng tôi được. Ghe chúng tôi vẫn ì ạch lết về phía Tây Bắc.



Ghe chở 20 người và thêm bé gái sanh trên biển là 21.

Khoảng 11 giờ trưa thì có một tàu cá Thái Lan khác ghé xem tình trạng ghe chúng tôi. Họ nói ghe chúng tôi không sửa được, và kêu tôi và Thúy ẵm con lên ghe của họ, đồng thời cột giây vào ghe chúng tôi và bắt đầu kéo về hướng chúng tôi muốn. Khi tôi xách giỏ lựu đạn nặng sang ghe họ, họ hỏi tôi cái gì mà nặng vậy, tôi nói chúng tôi là lính QLVNCH nên đây là lựu đạn. Khi nhìn thấy lựu đạn, họ xanh mặt và hỏi tôi có thể vứt đi được không, vì mang vào đất liền họ sẽ bị bắt. Biết chắc họ không có ác ý nên tôi thả xuống biển, khoảng một giờ trưa thì họ tạm ngưng giữa biển, và chuyển thức ăn nóng sang cho mọi người trong ghe chúng tôi xong lại kéo tiếp. Khoảng ba giờ chiều thì họ ngưng và nói sắp tới đất liền và yêu cầu Thúy và tôi trở về ghe chúng tôi, đồng thời cho biết họ kéo

ngang qua bến thì chặt giây kéo. Chúng tôi sẽ lái ghe tấp vào bến và họ chạy luôn. Thấy họ nhìn cây roulette tôi mang trên ngực, thay vì liêng xuống biển, tôi tặng anh lái tàu làm kỷ niệm. Sang ghe rồi, tôi cho liêng tất cả vũ khí xuống biển hết.

Sau khi chặt đứt giây kéo, ghe còn trốn, tôi lái ghe tấp vào một cầu tàu của đảo Sameasan, cách đất liền vài cây số.

Tại đảo Samesan, dân chúng đảo khoảng 40 gia đình, hầu hết làm nghề câu mực, phơi và bán. Cũng gặp một ông bác người Việt Nam tên Dương Văn Khoa (Lung Pha) lấy vợ Thái và sanh sống đã 20 năm trước. Ông đón vợ tôi, Thúy và con bé mới sanh trên biển về nhà ông để săn sóc, còn chúng tôi tất cả ngủ trên ghe hay cầu tàu. Chờ mùa biển êm và sửa ghe xong lại đi tiếp đường đi Australia, rảnh rang thì câu mực bắt sò điệp lớn cỡ ½ bàn tay (con hoi). Đàn bà thì đi mổ mực lấy tiền chi tiêu thêm, 20 baht/ngày. Đàn ông có thể đi phụ kéo tôm, đánh cá, dành tiền sửa ghe. Trên đảo có hai gia đình cảnh sát (phò Toi, phò Lung). Đảo không có nước ngọt, nhưng mưa nhiều nên họ trữ để bán cho các tàu cá hay chi dùng, vì nước ngọt hiếm nên khi Bình dùng nước ngọt của họ tắm thì gây rắc rối.

Dân đảo thì lại rất có cảm tình với chúng tôi nên giúp đỡ thực phẩm, bù lại chúng tôi giúp đỡ họ y tế, tiểu giải phẫu ngay trên ghe. Có lần bà Me Em đau bụng nửa đêm, gia đình bà đến ghe nhờ cấp cứu. Hai và An vội tới giúp đỡ. Sau khi khám cả hai quyết lập tức định chích morphine cho bà này, nhưng bà này vẫn còn ôm bụng lăn lộn, sau khi bàn bạc cả hai quyết định chích thêm mũi thứ hai, bà này thiếp đi. Về đến ghe, họ nói với tôi là làm liều, nếu có gì trục trặc thì chúng tôi lại mở máy ghe chạy mà thôi.

May mắn đến sáng, bà này tỉnh lại và hết đau nữa. Từ đó dân đảo gọi Hai và An là Bác sĩ, có cô còn muốn lấy An. Chùa trên đảo cần giúp đỡ thì chúng tôi cũng lại xây dựng giúp. Dân trên đảo càng có cảm tình với chúng tôi, thì cảnh sát trên đảo

càng lo lắng. Họ sợ chúng tôi sẽ chiếm đảo làm căn cứ để tấn công về Việt Nam, và báo động cho chánh phủ Thái. Tòa Đại Sứ Mỹ tại Bangkok hay tin, vội mướn ghe ra đảo gặp chúng tôi thăm vấn, họ ngạc nhiên là chúng tôi vẫn còn đủ súng đạn chiến đấu và... không đầu hàng nên thốt rằng:

- Impossible!!

Nhưng họ chỉ đồng ý một gia đình tôi đi Mỹ ngay, còn không chấp nhận những người còn lại trong ghe. Lý do, cấp số cho người Việt tỵ nạn sang Mỹ quá giới hạn 200 ngàn người rồi, nếu lấy gia đình tôi thì phải bỏ một gia đình không quân lại. Tôi quyết định ở lại với mọi người.

* * *

Mỗi ngày nhìn thủy triều lên xuống cùng mặt trời, lòng buồn man mác. Hai mươi năm trước, gia đình tôi bị chế độ cộng sản cướp tất cả trong chính sách cải cách ruộng đất, hình ảnh cha mẹ tôi đào tỵ ngư ngác, vì mất tất cả những gì gom góp cả đời. Bây giờ thế hệ chúng tôi lại một lần nữa trắng tay và làm lại. Tôi càng thấm thía nỗi buồn xưa của Ba Mẹ tôi.

Một sáng sớm, nhìn từ xa tôi thấy hai tàu chiến còn mang số hiệu cũ Việt Nam Cộng Hòa từ ngoài biển tiến vào đảo. Nghi ngờ những tàu này của Việt Cộng chiếm, nên đàn ông chúng tôi vội rút lên núi quan sát tình hình. Hai tàu này từ từ áp sát ghe chúng tôi. Đến chiều thì cả hai rời khỏi đảo, chúng tôi trở lại ghe. Được biết các tàu này của Hải Quân Việt Nam chạy sang Thái Lan tỵ nạn, và Hải quân Thái chiếm được. Các vị chỉ huy tàu Thái này khuyên chúng tôi không nên đánh về Việt Nam, vì họ cũng đang có 23 tàu đánh cá của họ bị bắt giữ ở Rạch Giá nên không muốn rắc rối thêm. Mặt khác họ cũng để lại cho chúng tôi một số thực phẩm.

Vài ngày sau, một tàu tuần duyên nhỏ ghé đảo, họ cho biết chúng tôi phải vô đất liền, sau đó họ kéo ghe tôi vô bờ, và đậu cạnh cái cầu bên thị trấn Satahip, cách không xa phi trường Utapao. Tới đất liền, vị Thiếu tá Cảnh Sát chỉ huy mời tôi lại

đồn nói chuyện. Tôi nói cảm ơn chánh phủ Thái đã cho chúng tôi ở tạm, để chờ sửa ghe xong, biển bót động, và mua xăng đi tiếp sang Australia. Trong khi nói chuyện, thấy vị thiếu tá này mang dấu hiệu huấn luyện bên Mỹ nên tôi hỏi anh ta được huấn luyện tại trường nào? Anh ta trả lời và cũng hỏi lại tôi cần bao nhiêu xăng? Tôi trả lời là đi ven biển nên chỉ cần 200 gallons và xin phép được lên bờ làm việc kiếm tiền sửa ghe và mua xăng. Anh ta nói chưa quyết định được. Sau đó chúng tôi bắt tay để rời đồn cảnh sát.

Vừa ra khỏi cửa đồn, tôi thấy dân từ đảo đang tranh luận với cảnh sát gác cửa, hỏi ra mới hay có chuyện hiểu lầm. Khi ghe chúng tôi rời đảo rồi, cảnh sát trên đảo tuyên bố với dân trong đảo là họ đã bắt tôi, Phò Chon (3) về nhốt trong đất liền rồi. Dân đảo nghe bắt nhốt tôi thì ai nấy đều nổi giận, ngay lập tức họ chia làm hai nhóm. Nhóm đàn ông đảo thì lái các ghe đánh cá tới thẳng đồn cảnh sát tranh đấu cứu tôi, nhóm đàn bà thì mang thực phẩm, quần áo nhắm hướng ghe chúng tôi đậu để bảo vệ đàn bà và trẻ con. Khi thấy tôi không bị bắt thì mọi người giải tán. Nhưng qua hôm sau, bà mẹ Em, bà này không theo đám biểu tình mà lại đi thẳng lên KrungThep (Bangkok), xin người anh là Tổng Trưởng Nội Vụ Thái Lan, cấp Nghị Định cho phép chúng tôi được ở lại Thái bao lâu cũng được. Chuyện này làm Cảnh sát Quận Satahip cũng khó xử.

Ngày kế tiếp, phái đoàn Cao Ủy Tị Nạn Đông Nam Á tới bờ biển Satahip mời tôi lên bờ nói chuyện. Chủ Tịch là Ông James Towner cho biết là Tòa Đại sứ Mỹ muốn tôi phải rời Thái đi Mỹ gấp, vì Cao Ủy Tị Nạn còn xin thêm cấp số chưa được, đi được gia đình nào thì nhẹ bót cho họ. Họ nói tôi đi tỵ nạn mà có Mỹ nhận thì không nước nào nhận, ngoài trả về lại Việt Nam. Họ cũng hứa là sau khi tôi đi rồi, họ sẽ ưu tiên cho người còn lại, nhưng không dám hứa đi Mỹ. *(Lúc này, ngoài nước Mỹ ra, chưa có nước nào chịu nhận tỵ nạn Việt Nam.)*

Họ cũng cho tôi tên Ông Ali Khan, Chủ Tịch Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc để cùng vận động cho những người còn

lại với ông. Sợ tôi đổi ý, ông mời tôi và gia đình cùng theo ông lên Bangkok luôn. Tôi trở lại ghe nói cho mọi người biết tự sự để họ khỏi lo, sau đó đón vợ con theo đi Bangkok, ở tại số 7 Soy San Phu làm thủ tục khám sức khỏe và chờ chuyến bay. Một tuần sau, ngày 17 tháng 8 năm 1976, gia đình tôi có chuyến bay tới phi trường San Francisco. Tôi trên người chỉ có một bộ đồ và đôi dép nhện. Cháu gái mới sinh chưa đặt tên, nên cấp thời tôi đặt cho cái tên Thủy Tiên vào giấy tờ. Nó không quen sữa Mỹ nên ăn bú bao nhiêu, cho ra bấy nhiêu. Đó là lý do bao nhiêu quần áo của tôi đều dành cho nó hết.

Máy bay đáp xuống San Francisco, khi ngang qua quan thuế và check in visa, chúng tôi trình I-94. Bà Mỹ đen thấy vợ chồng đùm bọc lồi thối nên khó chịu nói:

- Africa đất còn rộng. Sao tụi mày không xin sang đó mà lại sang đây?

Đang không cảm tình với người Mỹ, tôi trả lời:

- Phi Châu dành cho người da đen, không phải cho chúng tôi.

Bà này không dè tôi trả lời như vậy, nên không đóng dấu trên I-94 cho tôi. Đằng sau tôi là số người xếp hàng bị kẹt dài. Sau đó, một nhân viên quầy bên cạnh ra hiệu chúng tôi sang và đóng dấu nhập cảnh cho. Ra cửa thì gặp Chị Xuyên nhân viên xã hội đón, để dẫn chúng tôi sang máy bay chuyển tiếp về Sacramento, California. Chị cũng cho tôi một bịch Diaper cho cháu gái. Máy bay hạ cánh xuống Sacramento thì được Mrs. Helene, thay mặt bà bảo trợ Marilyn Robert, đón giùm về thành phố Davis, ở tại một Apartement số 619 Pole Line Road. Tôi xin bà vài hộp soup ăn, rồi đi nghỉ vì mọi người khá mệt.

(1) Những vũ khí và đạn dược này, anh em trong đơn vị Trinh Sát 9 (TS) đã tháo gỡ và dấu trong các thùng đại liên lớn và nhỏ, rồi chôn hay để dưới đáy nương rạch Sa Đéc, bây giờ được vớt lên mang theo để nếu cần sẽ chiến đấu.

(2) Từ khi chiếm được miền Nam, Việt Cộng bắt buộc mọi nhà phải treo hình tên hcm trên tường.

(3) Cháu gái mới sanh trên biển của vợ chồng tôi, người Thái gọi nó là Chon nghĩa là Sóng biển, Phò nghĩa là Ông.



*Đứng từ trái qua phải: Bình, An, Đường, Tâm, Hai Tọn, và Hòa
Hàng ngồi: Các Thím Bình, Hòa, và Hai.*

Khi còn trong đơn vị Trinh Sát 9, Nguyễn Văn Tọn (Hai) là người rất trung trực, tôi luôn giữ anh gần gũi tôi như người thân tín nhất. Tôi cũng khuyến khích anh học lên như các hạ sĩ quan khác; nhưng anh vốn tánh nghệ sĩ, gia đình lại khá giả nên thích cuộc sống bình dị, thoải mái. Hành quân về là ôm cây đèn kim họp cùng vài anh em có máu văn nghệ ca hát, phân khác khả năng mưu sinh dồi dào, nên không có ý muốn tiến thân bằng đường học vấn. Hai viện dẫn lý do nếu cần tiền thì bán bớt vài mẫu ruộng là đủ sống rồi, cần gì học lên.

Khi tôi biết ngày tôi rời khỏi đơn vị sẽ phải tới, nên quyết định những người gần tôi sẽ được an toàn, nên đã gọi tất cả đi học chuyên nghiệp. Riêng Hai, anh học y tá sau về ngành giải phẫu. Anh mổ rất giỏi tại bệnh viện Phan Thanh Giản, Cần Thơ. Khi tôi bị thương nặng, anh đã bỏ đơn vị về sống ở

nhà tôi để lo săn sóc vết thương cho tôi. Các người khác đều là chuyên viên y tá, cơ giới, quân xa...

Vợ của Hai, giỏi y khoa, tánh nhơn hậu, lo cho chồng con nên chưa bao giờ đi xa, bây giờ tính chuyện vượt biển thì lo lắng. Tuy nhiên, mang dòng máu quả cảm và trâm tĩn của những người mở mang bờ cõi miền Nam, thím đã không để lộ nét ưu tư cho người khác thấy. Giữa biển khơi mênh mông, sóng cấp ba bạc đầu, thím vẫn cố mang lên mũi cho tôi tô com thịt kho trứng và nói:

- Thầy ăn một chút cho có sức mà lái. Tất cả mọi việc lèo lái là ở thầy, còn anh Hai và Đường lo việc máy móc.

Tôi mỉm cười như mọi khi để an lòng mọi người:

- Hôm qua ngồi không ăn nhiều nên giờ tôi vẫn còn chưa đói. Thực ra bốn ngày đêm trên biển cả tôi ăn chỉ có một lần, và dưới ghe ai nấy đều say sóng nên có lẽ cũng không ăn uống gì cả.

Đường, anh họ của Thím Hai, ít nói, tánh bộc trực hiện rõ khi ăn nói và cư xử, thật ra chỉ gần gũi với tôi sau ngày miền Nam mất vào tay cộng sản. Tôi biết anh sẽ là anh em cùng sát cánh chiến đấu với tôi trong cơn nguy hiểm. Những lúc rảnh rang, anh thường mang những lời giảng của Đức Thầy (Huỳnh Phú Sổ) ra ngâm giảng. Chúng tôi tuy không cùng tôn giáo, nhưng không quan trọng, vì tự nghĩ, tình cảm của con người đối với nhau có từ trước khi có tôn giáo. Tôi lớn lên và sống lăn lộn khắp nẻo đường miền Nam nên rất quen thuộc. Những đêm nằm nghe giảng hướng thiện nên tôi đã thấm và đã gắn liền với cuộc sống chất phác của người dân miền Nam hơn miền Bắc. Định mệnh đã đưa tôi rời khỏi quân ngũ sớm hơn. Nếu quân đội VNCH có được những người can đảm và yêu nước như Đường, thì chế độ cộng sản không có chỗ đứng trong lòng người miền Nam.

NGƯỜI Ở LẠI ĐỊNH QUÁN

(Cố Thiếu Tá Phạm Đình Huệ, Khóa 23)

BẢO ĐỊNH NGUYỄN HỮU CHẾ

Tháng 3 năm 1975

Định Quán là một trong 4 quận của tỉnh Long Khánh, tiếp giáp với quận Bảo Lộc của tỉnh Lâm Đồng về hướng Bắc. Quận nằm trải dài dọc theo Quốc Lộ 20, đường đi Đà Lạt. Dân cư chuyên sống về nghề làm ruộng rẫy và làm rừng. Vào những ngày cuối trung tuần Tháng 3 Năm 1975, nơi đây đã xảy ra một trận chiến khốc liệt, và hai bên tham chiến đều bị thiệt hại nặng nề. Sau ba ngày giao tranh đẫm máu: 18, 19, và 20, Quận Định Quán đã lọt vào tay quân Cộng Sản Bắc Việt, mở đầu cho những trận huyết chiến về sau tại Ngã Ba Dầu Giây, và trận chiến quyết định Xuân Lộc.

Bảo Định

Núi rừng Định Quán sau một ngày mịt mờ khói súng, giờ đây im lặng đến rợn người. Thời gian như ngừng lại, không gian bao phủ một màu tang tóc thê lương. Dưới ánh sáng nhợt nhạt và lạnh lẽo của vầng trăng khuyết, núi rừng sau trận chiến lại càng thê lương, tang tóc hơn.

Chỉ mới vài giờ trước đây, dải đất trải dài hai bên Quốc

Lộ 20 của quận Định Quán, từ Phương Lâm đến cầu Sông La Ngà, chìm ngập trong biển lửa. Cộng quân với đủ loại pháo tầm xa, tầm gần; quân bạn trả đũa bằng các loại pháo 105 ly, 155 ly, 175 ly và các loại bom hạng nặng từ các chiến đấu cơ phản lực F 5E và A 37. Trận đánh đã làm rung chuyển đất trời, vùng đất hiền hòa của người dân quanh năm sống nghề ruộng rẫy. Cuộc chiến đấu cho sống còn đã xảy ra thật ác liệt, kéo dài từ sáng tinh mơ đến chiều tối; bom đạn thay nhau trút lên thị trấn nhỏ bé xa xôi này.



Ngày 5 tháng 3 năm 1975, Quân Đoàn 4 Cộng Sản Bắc Việt dưới quyền chỉ huy của Tướng Hoàng Cầm đã cho lệnh Sư Đoàn 7 khai thông Quốc Lộ 20 từ Túc Trưng đến Định Quán, và bằng mọi giá phải chiếm lĩnh cho được Định Quán để ngăn chặn lực lượng của Chính Phủ rút về từ Đà Lạt, Lâm Đồng. Một khi chiếm được Định Quán thì CSBV tiến về phía Nam chiếm cầu Sông La Ngà, cắt đứt Quốc Lộ 20, cô lập Đà Lạt, Lâm Đồng với Sài Gòn.

Cha xứ coi họ đạo cầu Sông La Ngà khi đến thăm tôi lúc Tiểu Đoàn rút chạy khỏi Định Quán vừa về đến, nói:

- “Ngày hôm qua khi thấy Tiểu Đoàn di chuyển lên Định Quán là Cha cảm thấy không xong rồi. Vài ngày trước đây, Cộng Sản đưa Cha vào rừng để coi chúng phô trương lực lượng. Cha thấy chúng có cả xe tăng, xe bọc thép, súng phòng không 37 ly, đại bác tầm xa, tầm gần đủ loại. Chúng đang chuẩn bị tấn công mình. Lực lượng Chi Khu Định Quán cùng với Tiểu Đoàn con làm sao có thể đương đầu với một lực lượng áp đảo về quân số và vũ khí. Cũng giống như trừng chọi với đá!” (Cha xứ tự giới thiệu là một cựu trung úy tham dự trận Điện Biên Phủ năm 1954 tại Bắc Việt.)

Sáng sớm ngày 18 tháng 3 năm 1975, quân cộng sản Bắc Việt với chiến thuật cổ hũu “tiền pháo, hậu xung”, đã mở màn trận đánh bằng những loạt mưa pháo kích vào Bộ Chỉ Huy Chi Khu, Đại Đội 377 ĐPQ, và các cứ điểm quân sự khác chung quanh quận. Sau đó, Trung Đoàn 141 được tăng cường xe tăng, đã rầm rộ tiến đánh Dinh Quận Trưởng và Bộ Chỉ Huy Chi khu.

Mặt dầu quân trú phòng đã kháng cự dũng mãnh, cùng với sự tiếp tay đắc lực của Trung Đội Biệt Kích thiện chiến của Tiểu Đoàn 2/43; cuối cùng, lúc gần trưa, quận đường và Bộ Chỉ Huy Chi khu đã thất thủ. Thiếu Tá Quận Trưởng bị bắt sống. Trung Đội Biệt Kích đã thoát chạy về đến Tiểu Đoàn, mang theo được cả những đồng đội bị thương vong, bảo toàn được lực lượng. Trước đó, Đại Đội 377 ĐPQ trấn đóng trên điểm cao cũng đã bị tràn ngập. Những đồn bót lẻ tẻ đều bị Cộng quân chiếm cứ từ những giờ phút đầu tiên của trận chiến. Quận Định Quán đã lọt vào tay giặc. Kế hoạch cắt đứt Quốc Lộ 20 của Cộng quân sắp thành công. Nhưng sự hiện diện của Tiểu Đoàn 2/43, Sư Đoàn 18 BB là một bất ngờ đối với chúng, ngoài dự liệu của kế hoạch.

Ngày N-1, từ hậu cứ Tiểu Đoàn tại Núi Thi, Xuân Lộc, Long Khánh, Tiểu Đoàn được tăng phái một trung đội Pháo Binh 105 ly và toán Công Binh chiến đấu, di chuyển đến Định Quán với nhiệm vụ mở những cuộc hành quân tiêu trừ Cộng phi, và giữ gìn an ninh quận. Tiểu đoàn vào vị trí, hoàn tất lúc hơn 5 giờ chiều. Đại Đội 1 của Trung Úy Nguyễn Văn Hào được phối trí hoạt động khu rừng hướng Đông, Đại Đội 4 của Trung Úy Hà Văn Dương khu vực hướng Bắc, Đại Đội 3 của Trung Úy Nguyễn Văn Hùng khu vực hướng Tây, Ban Chỉ Huy Tiểu Đoàn và trung đội Pháo Binh đóng quân trên một ngọn đồi phía Tây Bắc quận, gần sát bên căn cứ Pháo Binh diện địa, được bảo vệ bởi Đại Đội Chi Huy (-Trung Đội Biệt Kích), và Đại Đội 2.

Trước khi trời tối, tôi và Đại Úy Tiểu Đoàn Phó Phạm Đình

Huê, khóa 23 B Trường Võ Bị Đà Lạt, đến quận viếng xã giao Thiếu Tá Quận trưởng, đồng thời thông báo những hoạt động của Tiểu Đoàn. Cũng vừa lúc Đại Tá Hoàng Đình Thọ, Trưởng Phòng 3 Quân Đoàn đến thăm bằng trực thăng. Chúng tôi cùng đi gặp Đại Tá Thọ. Buổi tối trôi qua thật yên tĩnh. Đêm đó có gánh hát Cải Lương vừa từ Đà Lạt về lưu diễn. Không khí có vẻ thanh bình! Nhưng các đại đội hoạt động bên ngoài đã ghi nhận được sự xuất hiện khác thường của quân Công Sản Bắc Việt. Toán tiền đồn phục kích của Đại Đội 4 chạm địch, diệt gọn đơn vị tiền sát của địch. Tất cả đều mặc quân phục chính qui, có đeo phù hiệu cấp bậc. Đại Đội 1 cũng báo cáo tiêu diệt được một tiểu đội VC, mà tên chỉ huy có lẽ là một cán bộ cao cấp. Ta tịch thu được một súng ngắn, nhunkhi dương ra thì trở thành cây tiểu liên. Đây là loại vũ khí mới, lần đầu tiên chúng tôi bắt được trên chiến trường.

Gặp bất ngờ ngoài dự liệu của kế hoạch, nên những giờ phút đầu tiên của trận chiến, Cộng quân đã không có một hoạt động đáng kể nào đối với Tiểu Đoàn, ngoài những đợt pháo kích. Tôi đã kịp kéo Đại Đội 3 về phòng thủ chung với Tiểu Đoàn. Hai khẩu pháo 105 ly đã có cơ hội yểm trợ đặc lực cho quân bạn. Nhưng khi các lực lượng Chi Khu bị đê bẹp, Quận đường bị chiếm, Tiểu đoàn 2/43 là mục tiêu cuối cùng mà địch phải thanh toán.

Vào lúc quá giữa trưa, địch từ hai hướng Đông Bắc và Đông Nam, theo triền dốc tấn công vào Tiểu Đoàn. Khu vực này do Đại Đội Chỉ huy đảm trách, cũng là nơi đặt hai khẩu súng Pháo Bình. Mỗi đợt tấn công đều bị đẩy lui. Cộng quân như những con thiêu thân, lớp trước ngã, lớp sau lại tiến lên. Lực lượng trú phòng đã đón ngã nhiều tên Cộng phi. Có lúc chúng tiến sát tuyến phòng thủ, mặt đối mặt, nhưng vẫn không chọc thủng được tuyến đề tràn ngập vị trí.

Lối hai giờ chiều, tôi mất liên lạc vô tuyến với căn cứ Pháo Bình diện địa, một căn cứ nằm sát cạnh Tiểu Đoàn. Có lẽ căn cứ đã bị địch chiếm giữ, hoặc cũng có thể bị bỏ ngỏ. Giờ đây

chỉ còn lại Tiểu Đoàn 2/43 đơn độc đương đầu với bầy quỳ dữ. Vị trí của Tiểu Đoàn liên tục bị tấn công. Cộng sản vốn xem rẻ sinh mạng của con người, chúng lại thuộc nằm lòng câu phương châm “cứu cánh biện minh phương tiện”, nên luôn luôn dùng chiến thuật biến người trong tất cả các cuộc tấn công. Đây là chiến thuật mà đảng anh vĩ đại của chúng là Trung Cộng đã áp dụng trong cuộc Chiến Tranh Triều Tiên, và chính chúng đã thực hành tại mặt trận Điện Biên Phủ năm 1954 để thắng Pháp. Để sống còn, có lúc tôi đã yêu cầu máy bay đánh bom ngay trên đầu. Thật ra thì tôi chưa thất vọng đến nỗi phải cho đánh bom lên đầu mình để tự sát, nhưng tôi nghĩ rằng với những chiến đấu cơ phản lực hay bán phản lực F5E, A37, bay ở một độ cao để tránh phòng không 37 ly dày đặc của địch, thì lời yêu cầu đánh lên đầu tôi, nhưng bay từ Tây sang Đông, thì những trái bom chỉ có thể rơi ngay sườn Đông, nơi tập trung quân đông đảo của địch. Nhưng người bạn chiến đấu Không Vũ, quan sát viên bay trên chiếc L19 bao vùng đã vội an ủi:



*SVSQ Phạm Đình Huệ -
Khóa 23, 1970.*

- “Thảm quyền đừng tuyệt vọng, để tôi có điều chỉnh chính xác cho Thảm quyền.”

Những trái bom tới tấp rơi trên đầu địch đã phá tan đội hình tấn công của chúng. Nhưng trong chiến đấu ta phải chấp nhận tổn thất! Hai trái bom sau cùng đã rơi ngay tuyến phòng thủ. Địch chết, ta cũng tổn thất. Vì ta với địch đang ở thế mặt đối mặt. Một đoạn phòng tuyến của ta bị vỡ, nhưng địch cũng đang “tang gia bối rối”, vì chúng chưa có thể mở đợt tấn công ngay. Do đó, Tiểu Đoàn có đủ thì giờ để điều động binh sĩ nổi

lại phòng tuyến. Tôi giao cho Huệ, Tiểu Đoàn Phó, điều binh phòng thủ.

Trong lúc đó tôi vẫn liên lạc tốt với máy bay bao vùng và điều chỉnh những đợt đánh bom kế tiếp. Nhưng không lâu sau đó, Cộng quân lại mở đợt tấn công. Lực lượng phòng thủ đã phải chống trả quyết liệt và rất gay go mới giữ vững được phòng tuyến. Tôi thấy tình hình càng lúc càng nguy ngập. Tiểu Đoàn đã phải chiến đấu liên tục với địch có quân số áp đảo, đã chịu một số tổn thất, cấp số đạn dược mang theo cũng gần cạn, tinh thần căng thẳng, thể xác mệt mỏi,... Tình trạng không thể kéo dài lâu hơn được nữa. Tôi cho mời vị Trung Đội Trưởng Pháo binh tăng phái:

- Anh có bao nhiêu trái đạn chống biển người?

- Hai trái, thưa Thiếu tá.

- Hãy sử dụng khi thấy địch dùng chiến thuật biển người. Nhớ là phải bắn chính xác vào đội hình tấn công của chúng.

- Nhận hiểu, Thiếu tá.

Rồi tôi gọi thẳng Sư Đoàn, xin gặp Thiếu Tướng Tư lệnh, báo cáo tình trạng của Tiểu Đoàn và tình hình địch, đồng thời xin lệnh rút ra khỏi trận địa. Khi Tướng Tư Lệnh chấp thuận, cũng là lúc địch mở đợt tấn công dữ dội. Nhưng chúng đã bị chặn lại tức khắc bởi hai trái đạn chống biển người. Theo tôi được biết, mỗi trái đạn chứa lối ba ngàn mũi tên. Hàng ngàn mũi tên đã lao vút đâm thẳng vào quân thù. Lớp trước gục ngã như rạ, lớp sau nao núng, chùn chân, và tìm cách tháo lui. Trận địa trở lại yên tĩnh. Lợi dụng lúc địch còn đang hoang mang hoảng sợ, chưa kịp thời chỉnh đốn đội ngũ, tôi cho lệnh Tiểu Đoàn rời vị trí, di chuyển về hướng Tây. Hai Đại Đội 1 và 4 nằm bên ngoài cũng đi về điểm hẹn. Đó là một cụm đồi không cao lắm ở hướng Tây, cách thị trấn lối vài cây số. Tôi dự định về đây nghỉ ngơi một lúc, rồi đến nửa đêm, sẽ rút xuống cầu Sông La Ngà, nơi có một Tiểu Đoàn ĐPQ đang trấn giữ.

Trời lúc đó sắp tối. Tiểu Đoàn đang ở trong vòng vây địch.

Địa thế là vùng núi non trùng điệp. Tiểu đoàn lại phải mang theo lối 80 thương vong đồng đội của mình. Đây là một việc làm không phải dễ dàng gì. Nhưng nhờ những trái bom đánh gần, hay là bom lạc cũng thế, nhất là hai trái đạn pháo chống biển người, địch quân đang hoảng sợ, đang trong cảnh “tang gia bối rối”, Tiểu Đoàn đã rút ra khỏi trận địa một cách bình yên, nhưng chúng vẫn theo đuôi, bám sát Tiểu đoàn. Cuối cùng chúng tôi đã đến được điểm hẹn.

Đêm hôm đó, một đêm sao đầy trời. Mảnh trăng khuyết chênh chếch trời tây, tỏa chiếu xuống trần gian một thứ ánh sáng nhợt nhạt, thê lương, và lạnh lẽo. Gió núi từng cơn rạt rào qua kẽ lá:

*“Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh phu trăng dỗi dỗi soi.
Chinh phu, tử sĩ mấy người,
Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn.”*

Tôi và Huệ ngồi bên nhau, trên miệng của một cái hố đào vội, tạm dùng làm hầm chỉ huy. Lối 9 giờ, Tướng Tư Lệnh gọi tôi và cho biết là chiều hôm nay đài BBC loan tin quận Định Quán đã thất thủ, nhưng Phát Ngôn Viên Chính Phủ cải chính là quận Định Quán vẫn còn vì Tiểu Đoàn 2/43 còn (ngày hôm trước khi Tiểu Đoàn di chuyển đến Định Quán. Tôi được lệnh chỉ huy tổng quát toàn lực lượng tại đây, gồm tiểu đoàn tôi và lực lượng Chi Khu). Đó là lý do người phát ngôn cải chính. Ông còn nói thêm là hiện quân chính phủ đang tổ chức tái chiếm. Trung Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn III quyết định Tiểu Đoàn 2/43 phải ở lại trận địa, sẽ có quân tiếp viện để tái chiếm!

Thật là một cái lệnh “chết người”. Nhưng lệnh là lệnh. Là quân nhân, tôi buộc phải thi hành.

Lối một giờ sáng, tôi cho lệnh Huệ dẫn hai đại đội và đưa hết số thương vong qua ngọn đồi xa hơn về hướng Tây. Chúng tôi định sáng hôm sau sẽ gọi trực thăng đến tản thương và tiếp

tế đạn dược. Khi Huệ cùng đoàn quân ra đi, tôi bảo anh hãy cẩn thận, hẹn gặp lại vào sáng ngày mai.

Nhưng “sáng ngày mai” đó đã không bao giờ đến! Huệ và hơn 80 thương vong đã ra đi vĩnh viễn, hay nói một cách khác, họ đã ở lại Định Quán an giấc ngàn Thu giữa những tiếng bom đạn xé trời trước khi bình minh ló dạng, khi ngọn đồi của Huệ và ngọn đồi của tôi bị quân Cộng Sản Bắc Việt tràn ngập. Huệ và hơn 80 chiến sĩ anh dũng của Tiểu Đoàn 2/43 đã nằm lại. Khi một đại đội trưởng thúc dục Huệ rời vị trí, vì địch sắp tràn ngập, Huệ nói:

- “*Không, tôi phải đợi Bảo Định. Tôi phải ở lại. Tôi không thể...*”

Câu nói chưa dứt thì một trái đạn 37 ly của giặc thù đã nhắm trúng đầu Huệ, khiến anh gục ngay trên miệng hố.

(Những lời cuối này của Huệ do Trung Úy Hà Văn Dương, Đại Đội trưởng Đại Đội 4 thuật lại. Huệ và hơn 80 chiến sĩ anh dũng của Tiểu Đoàn 2/43 đã hy sinh, dền xong nợ nước vào buổi sáng ngày 19/3/1975 tại Mặt Trận Định Quán).

**Cựu Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2/43/SĐ 18 BB
Michigan, Giữa Mùa Bão Tuyết.**

Ghi chú:

Tương quan lực lượng:

1/. *Địch:*

- Trung Đoàn 812/QK6.
- Sư 7/QĐ4, gồm các Trung Đoàn 141, 165 và 209.
- Đơn vị xe tăng (đếm được 10 chiếc).
- Đơn vị cao xạ phòng không 37ly (phát giác 2 khẩu).
- Tiểu đoàn pháo, gồm các loại 120ly, 122ly và 130ly.

2/. *Bạn:*

- Lực lượng Chi Khu Định Quán.
- Đại Đội 377/ĐPQ.
- Tiểu Đoàn 2/43, Sư Đoàn 18BB.

Kỷ Niệm 5 Năm Ngày Chôn Cất 81 Tử Sĩ Nhảy Dù VNCH.

(Ngày 26 tháng 10, Năm 2024)

Cao Xuân Thanh Ngọc, K14/2

Buổi lễ đã được tổ chức rất long trọng và trang nghiêm trước Tượng Đài Chiến Sĩ Việt Mỹ do Hội Lost Soldiers Foundation tổ chức, dưới sự mặt của anh chị em trong Đoàn Chim Lạc Việt, Ban Tủ Ca Xuân Diêm, Hội Võ Bị Nam California, các Bình Chứng và bà con ty nạn cộng sản tại miền Nam California.

Hôm đó, Ông TNS Jim Webb phát biểu với câu chào “Xin kính chào quý vị...” nghe thật thân ái làm sao! Ông quả thật là một vị ân nhân của 81 Tử Sĩ Nhảy Dù của Quân Lực VNCH! Nhờ công ơn của ông mà những vị này cuối cùng được bình yên an nghỉ!

Trong buổi lễ, Nhà Văn Phan Nhật Nam - Cựu Thiếu Úy Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù – đơn vị có 81 chiến sĩ tử nạn - đã phát biểu:

- “Các Tiểu Đoàn 3, Tiểu Đoàn 2, Tiểu Đoàn 8 đã đi trước. Còn riêng Tiểu Đoàn 7 ở lại, đợi một phi vụ chuyển quân (airlift) từ Pleiku về Tuy Hòa để tham dự Chiến Dịch Thân

Phong 11. Thật không may mắn, tất cả 81 người thuộc Đại Đội 72 đã tử nạn vào ngày 11/12/1965 vì máy bay rơi.”

Cũng nhân dịp này, Ông Phan Nhật Nam đã được trao bằng tưởng lục do những cống hiến cho lý tưởng tự do của ông vào ngày hôm đó!



Các quân nhân Hoa Kỳ trong Ban Nghi Lễ đang tham dự buổi tưởng niệm.

Trở lại câu chuyện cảm động của 81 chiến sĩ Nhảy Dù. Thật ra, chuyện tìm kiếm và di chuyển những hài cốt đã được thực hiện từ năm 1974 nhưng cho đến nay, việc quyết định chọn thành phố Westminster, thủ phủ của người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản là nơi yên nghỉ cuối cùng của những vị tử sĩ này mới được thực hiện trong vòng hai năm nay.

Ai là người đứng sau lưng công việc đầy ý nghĩa này?

Ông Jim Webb, cựu Bộ Trưởng Hải Quân Hoa Kỳ dưới thời cố Tổng Thống Ronald Reagan, và Đại Tá Gene Castagnetti (có tên là Quốc Việt) là hai người bạn thân khi còn chiến đấu tại Việt Nam, đều xuất thân từ binh chủng Thủy Quân Lục Chiến. Hai ông đã đứng ra vận động công tác Vinh Danh Quân

Lực VNCH và Chôn Cất 81 Hải Cốt Tử Sĩ Binh Chủng Nhảy Dù tại miền Nam California!

Vào ngày 21 Tháng Ba, 2019, được hậu thuẫn mạnh mẽ của Tổng Trưởng Hải Quân Richard Spencer, ông Jim Webb được Bộ Quốc Phòng (US Dept. of Defense) hợp thức hoá là thân nhân duy nhất độc quyền bảo hộ và có trách nhiệm quyết định việc sắp xếp Vinh Danh Quân Lực VNCH cho việc chôn cất 81 Hải Cốt Quân Nhân QLVNCH, thuộc Binh Chủng Nhảy Dù.

Tháng Sáu, 2019, hai ông cùng luật sư Jeff McFadden thành lập Lost Soldiers Foundation (Lost Soldiers là tựa đề quyển sách được phát hành năm 2001. Tác giả là ông Jim Webb sau khi ông Gene dẫn Jim Webb đi viếng 81 Hải Cốt vào năm 1997).

Lost Soldiers Foundation là một tổ chức bất vụ lợi 501 (c) 3, tự tạo ngân sách lo trang trải các chi tiêu cho công tác. Một vị mạnh thường quân, rất thân với Jim Webb có tên là Fred Smith, làm chủ hãng Ferederal Express lập tức dâng hiến số tiền lớn để Lost Soldiers Foundation bắt đầu có tài chính chi tiêu.

Trong nhiều năm qua, hai vị này làm việc không điều kiện, đương đầu với bao sự tranh chấp mọi mặt của mọi phía, mọi người... Cuối cùng, họ đã đem đến cho Người Việt Quốc Gia một món quà. Món quà này vô giá vì đó là lịch sử của máu và nước mắt mà các Cựu Quân Nhân QLVNCH đã trải qua. Món quà này chuyên chở một niềm thương cảm, trộn lẫn ngậm ngùi thương tiếc mà tôi tìm thấy trong ánh mắt của mọi người có mặt trong ngày 26 Tháng Mười vào năm ngoái, 2023!

Cũng không quên nhắc lại chuyến bay định mệnh vào ngày 11 tháng 12, năm 1965. Trong phi cơ, có bốn quân nhân Hoa Kỳ và 81 chiến sĩ Nhảy Dù VNCH. Vận tải cơ chiến đấu C-123B Provider (#56-4376) của Không Lực Hoa Kỳ bay từ Phi Trường Pleiku đến Phi Trường Tuy Hoà, do Thiếu

Tá Robert M. Horsky làm trưởng phi cơ, cùng phụ tá phi cơ trưởng (co-pilot) Đại Úy G. McKnight, và hai phụ tá khác. Tất cả 85 người đã không bao giờ đi hết đoạn đường ngắn ngủi đó. Hải cốt của họ đã cùng nhau lưu lạc thẳm trong suốt 54 năm qua!



*Chú thích
hình cuối bài
.

Chiếc phi cơ lâm nạn đã bị gãy nát trong sương mù, bên sườn núi với cây rừng lá rậm trên cao độ chỉ có 1000 feet phía dưới. Phi cơ trinh sát của Hoa Kỳ phát giác nơi chiếc phi cơ rơi sau 10 ngày và xác nhận không ai còn sống! Tuy nhiên, tới tận địa điểm của chiếc phi cơ này để tìm kiếm những người xấu số không thể tiến hành vì nằm trong khu rừng núi đang có giao tranh. Mãi đến ngày 30 tháng 6, năm 1971, một toán người tìm kiếm gồm hai cựu quân nhân VNCH và tám người thợ rừng đã tiến vào khu vực phi cơ lâm nạn. Họ đã thu gom được 17 bao tải của những hiện vật rải rác xung quanh chiếc phi cơ bị lâm nạn.

Ngày 28 tháng 6 năm 1974, Hoa Kỳ đã quyết định đưa 17 bao tải hiện vật đã được tìm kiếm về Thái Lan. Hải cốt của bốn quân dân Hoa Kỳ đã được kiểm chứng và sau đó được đưa về Hawaii xác định danh tính, bằng phương pháp thử nghiệm

DNA. Bốn quân nhân Hoa Kỳ sau đó được an táng tại Nghĩa Trang Quốc Gia Arlington, Tiểu Bang Virginia.

Đối với những người lính VNCH, họ không có tên trên bản kê khai danh sách trên chuyến bay. Vì thế, không thể xác định danh tính của họ. Vào năm 1986, hài cốt của họ được gửi đến phòng thí nghiệm POW/ MIA ở Hawaii và đã được cất giữ lại tại nơi này trong suốt 33 năm qua!

Được biết, nhà cầm quyền Hà Nội đã hai lần từ chối lời yêu cầu của chính phủ Hoa Kỳ là “*Hà Nội phải trân trọng làm lễ an táng cho những chiến sĩ VNCH vô danh này.*” Đây là cơ hội cho Việt Nam Cộng Sản tỏ thái độ của những người có nhân tính. Trái lại VC đã thúc giục hai người bạn thân Thủy Quân Lục Chiến cùng làm việc với nhau, cùng vượt qua khó khăn để đưa họ về nơi an nghỉ cuối cùng trên đất nước Hoa Kỳ với Tự Do và Nhân Bản.

Theo lời ông Jim Webb:

- “Chúng ta có thể không bao giờ biết hết danh tính những hài cốt của 81 quân nhân thuộc Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù là ai. Tuy nhiên, họ là đồng minh của chúng ta. Họ sẽ được yên nghỉ trong một nghĩa trang của người Mỹ gốc Việt lớn nhất trên đất nước của chúng ta!”

Tôi đưa khăn lau tấm mộ bia với những dòng chữ:

**“81 Chiến Sĩ QLVNCH
Đại Đội 72
Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù
Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà
Đã Hy Sinh cho Lý Tưởng Tự Do
Ngày 11 Tháng 12 Năm 1965**

Mãi Mãi Bên Nhau Tại Hoa Kỳ ngày 26 tháng 10 năm 2019.”

Tôi nguyện với lòng là dù có bận rộn bao nhiêu đi nữa, tôi cùng các anh chị em của thế hệ tiếp nối, sẽ cùng đồng hành

với chị Ngọc Nhung (*vợ của Đại Tá Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ Gene Castagnetti*), nhận lãnh trách nhiệm thiêng liêng này. Mỗi năm chúng tôi sẽ có mặt để viếng thăm và dâng nén hương cho các vị!

Chúng tôi luôn ghi ơn và tri ân sự hy sinh của họ và nguyện sẽ tiếp tục ngọn đuốc đấu tranh cho một ngày không cộng sản trên quê hương Việt Nam của chúng ta!

Câu xin hương linh của 81 vị tử sĩ Nhảy Dù được an nghỉ!

26 tháng 10, 2024

*** Chú thích Hình 2:**

- Hàng sau là Hội Trưởng Hội Võ Bị Nam California Trần Văn Giỏi Khóa 26 đứng với ba nhân vật người Mỹ của Ban Tổ chức. Họ đều là hội viên của Hội “The Lost Soldiers ARVN.” Người tóc màu tro là Luật Sư Jeff McFadden, đến từ tiểu bang Maryland. Người mặc bộ suit màu xanh là cựu Thượng Nghị Sĩ Jim Webb, đến từ Virginia. Người tóc bạc là Trung Tướng TQLC Hoa Kỳ George Smith, đến từ Hawaii. Kế tiếp là Giáo Sư Nguyễn Văn Canh, nguyên Phụ Tá Khoa Trưởng Đại học Luật Khoa Sài Gòn trước 1975, đến từ Bắc California, Tiến Sĩ Nguyễn Huy Bích, Giáo Sư TVBQGVN. (từ trái).

- Hàng trước là đương kim Chủ Tịch Học Khu Westminster (Westminster Unified School District) - cô Nguyễn Thế Thủy, và các em học sinh của DeMille Language Academy (Midway City, California). Các em được mời tới để hát quốc ca Việt Mỹ trong buổi lễ hôm ấy (từ trái).